TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2024/DS –ST
Ngày: 27-6-2024
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hồ Thị Thanh Loan**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên

2. Bà Phan Thị Dòn

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2024 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 301/TB-TLVA ngày 03 tháng 7 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 614/2023/QĐST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023, Quyết định sữa chữa quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2023/QD-SCBSQĐ ngày 24/11/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 516/2023/QĐST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2023, quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 17/01/2024, Thông báo về việc dời lại phiên tòa ngày 23/02/2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 15/2024/QĐST-DS ngày 21/3/2024,Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 21/3/2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 26/2024/QĐST-DS ngày 19/4/2024, Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 26/2024/QĐST-DS ngày 19/4/2024, Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự số 14/2024/QĐST-DS ngày 31/5/2024 và Thông báo về thời gian tiếp tục phiên tòa xét xử số 06/TB-TA ngày 31/5/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1947

Địa chỉ: xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1990, Địa chỉ: Đường S, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Văn T có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm: 1947

Địa chỉ: xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông **Nguyễn Thanh C**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm: 1978

Địa chỉ: xã VL, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà **Nguyễn Thị Bé T2**, sinh năm: 1975

Địa chỉ: xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/11/2017 (bút lục 49), đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 21/9/2023 (bút lục 150) thì bà Nguyễn Thị L trình bày như sau:

Ngày 16/6/2003 bà Nguyễn Thị L có cho bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C vay 05 lượng vàng SJC. Ngày 15/8/2003, bà L tiếp tục cho ông Nguyễn Thanh T3 vay thêm 03 lượng vàng SJC. Hai khoản vay trên thoả thuận thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất là 1.300.000 đồng/ tháng, nhưng bên vay chưa trả cho bà L bất cứ số tiền lãi nào.

Khi đến hạn trả nợ, bà L nhiều lần yêu cầu bên vay trả số vàng đã vay nhưng bên vay chỉ trả cho bà L được 04 lượng vàng SJC (trong đó 02 lượng trả cho khoản vay 05 lượng và trả 02 lượng cho khoản vay 03 lượng). Còn lại bên vay còn nợ bà L 04 lượng vàng SJC. Hiện bà L đang giữ bản chính Quyết định số 883/QĐ-UB-VX ngày 30/12/1997 của Uỷ ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho ông Nguyễn Thanh T3.

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị Bé T2 với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết các nội dung như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương đương 03 lượng vàng SJC, không yêu cầu tính lãi.

- Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương ứng với 01 lượng vàng SJC mà ông Nguyễn Thanh T3 (đã chết) còn thiếu bà L, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn T – người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L trình bày :

- Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương đương 03 lượng vàng SJC(tính giá vàng hiện tại), không yêu cầu tính lãi.

- Bà Nguyễn Thị L xin rút lại yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương ứng với 01 lượng vàng SJC mà ông Nguyễn Thanh T3 (đã chết) còn thiếu bà L .

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2: vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không gửi văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu các nội dung như sau:

- Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C trả cho bà L số tiền tương đương 03 lượng vàng SJC tại thời điểm xét xử; đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà L đối với việc bà L yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương ứng với 01 lượng vàng SJC mà ông Nguyễn Thanh T3 (đã chết) còn thiếu bà L; đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản, yêu cầu

thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại", ba trong bốn bị đơn có nơi cư trú ở tại huyện Bình Chánh. Bà Nguyễn Thị L thực hiện thủ tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn:

Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành thực hiện thủ tục cấp, tống đạt cho bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy Bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Do đó, bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự trong vụ án cung cấp, tài liệu do Tòa án thu thập và căn cứ vào quy định pháp luật để xem xét giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3] Ông Lương Ngọc K là chồng của bà L có bản tự khai xác định số tiền bà L cho bà T1, ông T3 và ông C vay là tài sản riêng của bà L, ông không liên quan gì và từ chối tham gia tố tụng. Do đó, Tòa án xét không cần thiết đưa ông K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Thẩm phán và Thư ký đã xuống nhà ông Đoàn Công Ch để tiến hành thủ tục lấy lời khai của ông Đoàn Công Ch (người làm chứng). Tuy nhiên, Thẩm phán và Thư ký không tiến hành lấy lời khai ông Ch được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[5] Tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu: về việc buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 có nghĩa vụ cùng liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương ứng với 01 lượng vàng SJC mà ông Nguyễn Thanh T3 (đã chết) còn thiếu bà L. Việc rút đơn này là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này.

[6] Hợp đồng giao kết mượn nợ lập ngày 16/6/2003 (bút lục 158) có nội dung như sau: bên cho vay là bà Nguyễn Thị L; bên vay ký nhận là ông Nguyễn Thanh C

và bà Nguyễn Thị L với số tiền vay là năm cây vàng SJC, còn nguyên trong bọc kiếng.

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn tranh chấp liên quan đến hợp đồng vay tài sản được xác lập vào năm 2003. Căn cứ vào quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 45/2005/NQ-QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử căn cứ vào Bộ luật dân sự năm 1995 để xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 1995 quy định:

" Hợp đồng vay tài sản là sự thoả thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao cho bên vay một khoản tiền hoặc vật; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả tiền hoặc vật cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi, nếu có thoả thuận hoặc pháp luật có quy định"

Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 1995

" Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1- Bên vay tài sản là tiền, thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật, thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác".

Xét trong việc Nguyễn Thanh C và bà Nguyễn Thị T1 vay 05 lượng vàng SJC của bà L. Theo lời trình bày của bà L và người đại diện theo ủy quyền của bà L trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa thì ông C và bà T1 đã trả cho bà L được 03 lượng vàng SJC, hiện ông C và bà T1 còn thiếu bà L 02 lượng vàng SJC. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án thông báo về thời gian, địa điểm Tòa án thực hiện thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa xét xử nhưng bà T1 và ông C không gửi văn bản phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ kiện.

Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

" Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định:

"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh sự phản đối đó"

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T1 và ông C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền

230.940.000 đồng tương ứng 03 lượng vàng SJC (Giá bán ra của tiệm vàng tại địa phương tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 76.980.000 đồng/01 lượng vàng SJC).

[7] Theo sự xác nhận của bà L thì hiện bà L đang giữ bản chính Quyết định số 883/QĐ-UB-VX ngày 30/12/1997 của Uỷ ban nhân dân huyện Bình Chánh cấp cho ông Nguyễn Thanh T3. Việc bà L giữ giấy tờ là đảm bảo cho việc trả nợ vay, không thực hiện việc công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm, không có chức năng cầm cố, thế chấp theo quy định, do đó cần buộc bà L hoàn trả bản chính Quyết định số 883/QĐ-UB-VX ngày 30/12/1997 của Uỷ ban nhân dân huyện Bình Chánh cho bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 là đúng pháp luật.

[8] Về án phí:

Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị L được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C phải chịu 11.547.000 đồng (mười một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng); Bà L được nhận lại tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 96, Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2005/NQ-QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc Hội về việc thi hành bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 467 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 1995

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 về việc bà Nguyễn Thị L yêu cầu bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền tương ứng 01 lượng vàng SJC mà ông Nguyễn Thanh T3 còn thiếu bà L.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C:

Buộc bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 230.940.000 đ (hai trăm ba mươi triệu chín trăm bốn mươi ngàn đồng) tương ứng giá trị 03 lượng vàng SJC tại thời điểm xét xử.

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận số tiền trên tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm hoàn trả bản chính Quyết định số 883/QĐ-UB-VX ngày 30/12/1997 của Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh cho bà Nguyễn Thị T1, ông Nguyễn Thanh C, ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Bé T2.

Các đương sự thực hiện việc giao và nhận tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Về án phí dân sự:

4.1 Bà Nguyễn Thị T1 và ông Nguyễn Thanh C chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.547.000 đồng (mười một triệu năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

4.2 Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 7.200.000 đồng (bảy triệu hai trăm nghìn đồng) là số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị L đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0030851 ngày 23/11/2017 (bút lục 06) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Thanh Loan